TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 22/4/2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Xuôi.
2. Ông Kiên Ngọc Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 318/2018/TLST-DS, ngày 03/12/2018 về vụ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh T. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn trình bày: ngày 10/4/2017 al bà có cho bà Nguyễn Thị Đ mượn tiền bằng 180.000.000 đồng, việc mượn tiền chỉ có một mình bà Đ, không có chồng con bà Đ tham gia, khi mượn tiền bà Đ nói để về trả nợ, có viết biên nhận do chính bà Đ viết và cam kết ngày trả là 25/10/2017 al. Ngày 04/5/2017 al bà có cho bà Đ mượn thêm 110.000.000 đồng và có viết biên nhận cùng tờ cam kết ngày trả là 20/6/2017 al. Tổng cộng 02 lần mượn là 290.000.000 đồng.

Ngày 04/5/2017 al bà có cho bà Nguyễn Thị Đ mượn tiếp 02 chỉ vàng 24Kra loại vàng 99%, khi mượn bà Đ nói mượn về để đeo đi đám (có viết biên nhận và

cam kết ngày trả là 20/6/2017 al). Sau khi cho mượn bà có nhắc nhở bà Đ nhiều lần để bà Đ trả tiền và vàng lại cho bà nhưng bà Đ hứa hẹn sau khi bán được đất sẽ trả cho bà nhưng bà Đ không thực hiện.

Ngày 27/02/2018 bà gửi đơn yêu cầu Tổ hòa giải của ấp Nguyệt Lãng A, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh giải quyết. Ngày 02/3/2018 Tổ hòa giải ấp Nguyệt Lãng A, xã Bình Phú đã tổ chức hòa giải, bà Đ thừa nhận còn thiếu bà 290.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99%) và cam kết trả dần mỗi ngày 300.000 đồng (tức 01 tháng bằng 9.000.000 đồng), bà Đ thực hiện được hai tháng bằng 18.000.000 đồng, sau đó thì ngưng không trả nữa cho đến nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà số tiền còn nợ là 272.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99%). Bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có cung cấp chứng cứ mới tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tống đạt các văn vản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đã chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn bà Nguyễn Thị Đ chưa chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng vắng mặt tại các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; đối chất và phiên tòa, mặc dù đã được thông báo hợp lệ, do đó căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 26, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 274, 280, 463, 465, 466, 468, 494, 496, 499 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền và số vàng còn nợ là 272.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99%). Bà P không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 13.960.000 đồng. Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản" theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ đến tham dự phiên tòa 02 lần (lần thứ nhất vào ngày 03/4/2019; lần thứ hai vào ngày 22/4/2019) nhưng cả 02 lần bà Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[3] Về nội dung tranh chấp: việc giao dịch vay, mượn tiền và vàng giữa bà P với bà Đ thể hiện qua lời trình bày của bà P là vào năm 2017 bà có đưa cho bà Đ nhiều lần, tổng số tiền 290.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99%). Trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng bà Đ vắng mặt tại Tòa nhưng qua hòa giải tại ấp Nguyệt Lãng A, xã Bình Phú vào ngày 02/3/2018, bà Đ thừa nhận có thiếu bà P là 290.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99%) và thừa nhận trả số tiền, vàng cho bà P, đối với số tiền mỗi ngày trả 300.000 đồng. Qua xác minh chính quyền địa phương thì tại buổi hòa giải bà Đ thừa nhận có nợ bà P 290.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24Kra như biên bản hòa giải là đúng. Bà P cũng thừa nhận là sau khi hòa giải bà Đ có trả cho bà được 18.000.000 đồng, nay chỉ còn nợ lại 272.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24Kra.

Xét về chứng cứ chứng minh tại Điều 91 BLTTDS là đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ, bà P đã cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là các biên nhận nợ bà Đ ghi cho bà P khi bà Đ nhận số tiền và số vàng của bà P và lời thừa nhận nợ của bà Đ tại buổi hòa giải ở ấp Nguyệt Lãng A, xã Bình Phú. Từ đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà P có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất: theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị P không yêu cầu giải quyết về phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: do được chấp nhận yêu cầu nên bà P không phải chịu án phí, bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Giá vàng 24Kra (loại vàng 99%) tại thời điểm xét xử là 3.600.000 đồng/chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 274, 280, 463, 465, 466, 468, 494, 496, 499 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 272.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24Kra (loại vàng 99%). Bà P không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền 272.000.000 đồng) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ nộp 13.960.000 đồng. Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 6.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0018614, ngày 29/11/2018 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0018613, ngày 29/11/2018 do bà P nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cứ trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung